

Số: **42** /2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **19** tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về
vận hành, bảo trì đường sắt đô thị**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vận hành, bảo trì đường sắt đô thị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vận hành, bảo trì đường sắt đô thị” - Số hiệu: QCVN 93:2016/BGTVT.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *rd*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để đăng ký);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cổng Thông tin điện tử CP;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu VT, KHCN.



Trương Quang Nghĩa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 93 : 2016/BGTVT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ**

*National technical regulations on urban railway operation
and maintenance*

HÀ NỘI - 2016

Lời nói đầu

QCVN 93:2016/BGTVT do Cục Đường sắt Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học - Công nghệ trình duyệt, Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số: 42/2016/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

National technical regulations on urban railway operation and maintenance

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

1.1.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vận hành, bảo trì đường sắt đô thị (sau đây viết tắt là Quy chuẩn) quy định các yêu cầu kỹ thuật cơ bản về vận hành và bảo trì đường sắt đô thị, nhằm đảm bảo hoạt động giao thông đường sắt đô thị an toàn, thông suốt, thuận tiện cho hành khách cũng như giảm thiểu những tác động bất lợi đến cộng đồng.

1.1.2 Quy chuẩn này không áp dụng với đường sắt một ray tự động dẫn hướng và đường xe điện bánh sắt.

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, vận hành và bảo trì đường sắt đô thị.

1.3 Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1 Bảo trì

Là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình, phương tiện, thiết bị đường sắt đô thị theo quy định của thiết kế hoặc nhà sản xuất trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô của công trình, phương tiện, thiết bị.

1.3.2 Chu kỳ kiểm tra

Là khoảng thời gian tối đa hoặc số kilomet vận hành tối đa phải tiến hành kiểm tra tùy theo chỉ tiêu nào đến trước.

1.3.3 Công trình đường sắt đô thị

Là công trình được xây dựng phục vụ giao thông vận tải đường sắt đô thị, bao gồm: kết cấu tầng trên đường sắt (ray, tà vẹt, phụ kiện liên kết ray tà vẹt, phụ kiện nối ray, ghi, kết cấu kiểu tấm bản, đá balát, lớp đệm subbalat - nếu có); kết cấu xây dựng (nền đường; cầu; cống; hầm; kè; rào chắn; hệ thống thoát nước không bao gồm thiết bị thoát nước; ga và đề pô không bao gồm thiết bị; các kết cấu khác); thiết bị điều khiển chạy tàu; hệ thống cấp điện và các công trình, thiết bị khác của đường sắt.

1.3.4 Tàu

Là toa xe, tập hợp toa xe có động lực hoặc không có động lực được ghép nối có đủ các điều kiện cần thiết để chạy tàu an toàn theo kế hoạch vận tải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3.5 Biểu đồ chạy tàu

Là biểu đồ trong đó quy định giờ đi, giờ đến và hành trình của tất cả các đoàn tàu trong một (01) ngày đêm.

1.3.6 Đường sắt chính tuyến

Là đường sắt nơi tàu vận hành, cung cấp dịch vụ theo biểu đồ chạy tàu.

1.3.7 Đường phụ

Là đường sắt không phải đường sắt chính tuyến, bao gồm đường dừng đỗ tàu.

1.3.8 Nhà ga

Là nơi tàu dừng, đỗ, đón, trả khách; cung cấp các dịch vụ, tiện ích cần thiết cho hành khách đi tàu và lắp đặt các thiết bị, máy móc vận hành chạy tàu.

1.3.9 Kiểm tra

Là việc xem xét bằng trực quan hoặc thiết bị kỹ thuật chuyên dùng để đánh giá hiện trạng các công trình, phương tiện, thiết bị nhằm phát hiện các dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp và có biện pháp nghiệp vụ xử lý kịp thời, đảm bảo an toàn chạy tàu.

1.3.10 Ngày kiểm tra định kỳ

Là ngày được lấy để làm quy định thời gian tiến hành kiểm tra cho từng thiết bị đường sắt hay bộ phận của thiết bị đó, được tính toán trên cơ sở đặc tính của thiết bị, mức độ chịu tác động từ điều kiện thời tiết khí hậu, các ảnh hưởng của môi trường xung quanh. Ngày kiểm tra định kỳ áp dụng cho thiết bị đường ray, công trình xây dựng, thiết bị cấp điện và thiết bị đảm bảo an toàn chạy tàu.

1.3.11 Độ lệch thời gian cho phép

Là khoảng thời gian lệch trước hoặc sau ngày kiểm tra định kỳ, được bố trí phù hợp với chu kỳ kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo chắc chắn việc kiểm tra được thực hiện, kể cả trong điều kiện bị hạn chế do ảnh hưởng của thời tiết, do có thi công trên đường ray hay bất cứ sự gián đoạn nào khác. Độ lệch thời gian cho phép áp dụng cho thiết bị đường ray, công trình xây dựng, thiết bị cấp điện và thiết bị đảm bảo an toàn chạy tàu.

1.3.12 Khu gian

Khu gian là đoạn tuyến đường sắt nối hai nhà ga liền kề.

1.3.13 Nhân viên điều độ chạy tàu

Là người trực tiếp chỉ huy chạy tàu theo biểu đồ chạy tàu, chỉ huy việc khắc phục sự cố chạy tàu, ra lệnh cảnh báo tốc độ tới các đơn vị liên quan, đình chỉ chạy tàu trên tuyến đường sắt phụ trách nếu thấy nguy cơ đe dọa mất an toàn chạy tàu.